

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/DS-ST

Ngày 11-5-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hòe.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn T, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1967 và bà Trần Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Bà B, ông Ch, bà N đều vắng mặt có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-12-2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ thị B trình bày:*

Bà B và vợ chồng ông Ch, bà N không anh em họ hàng nhưng có quen biết nhau. Khoảng giữa năm 2020, vợ chồng ông Ch, bà N hỏi bà B vay tài sản để lấy vốn làm ăn. Do không có tiền, vàng trong nhà nên bà B đã vay của em gái 09 chỉ vàng 9999 cho vợ chồng ông Ch, bà N vay lại. Tại thời điểm vay nợ, các bên không viết giấy biên nhận nhưng có thỏa thuận hàng tháng vợ chồng Ch, bà N trả cho bà B 300.000đ tiền lãi. Vợ chồng Ch, bà N trả lãi đến cuối năm 2020 thì không trả lãi cho bà B nữa.

Do vợ chồng ông Ch, bà N không trả gốc và lãi, ngày 22/3/2021, bà B đã yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà N viết giấy biên nhận với nội dung: Vợ chồng Ch, bà N vay của bà B 09 ( chín ) chỉ vàng, thời hạn vay từ ngày 22/3/2021 đến ngày 22/02/2022. Về lãi suất, hai bên tự thỏa thuận miệng theo mức từ khi vay đã thực hiện là 300.000đ/tháng, tính từ ngày 22/3/2021. Kể từ khi viết biên nhận, vợ chồng ông Ch, bà N không trả lãi, đến hạn không trả gốc. Nay bà B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Ch, N trả bà B số nợ gốc là 09 (chín) chỉ vàng 9999. Do ông Ch, bà N kinh tế khó khăn nên bà B không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 05-05-2023, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N cùng ý kiến trình bày: Ông Ch, bà N công nhận vay của bà B 09 chỉ vàng 9999; công nhận ngày 22/3/2022, hai bên có viết giấy vay nợ như bà B nộp cho Tòa án; chữ viết và chữ ký bên vay là của ông Ch, bà N. Tuy nhiên, khi viết giấy biên nhận ngày 22/3/2021, hai bên thỏa thuận miệng, do khó khăn nên ông Ch, bà N không phải trả lãi cho bà B và khi nào có điều kiện thì trả dần nợ gốc. Nay bà B khởi kiện, ông Ch, bà N nhận có trách nhiệm trả nợ nhưng đề nghị trả dần và không phải trả lãi trên nợ gốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà B, ông Ch, bà N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà B, ông Ch, bà N là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

*2.1. Về hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị B và vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N:*

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận Giấy vay tiền đề ngày 22/3/2021 do các đương sự lập; chữ ký và chữ viết bên vay là của vợ chồng ông Ch, bà N, bên cho vay là của bà Đỗ Thị B. Hợp đồng có ghi thỏa thuận về thời hạn trả nợ từ ngày 22/3/2021 đến ngày 22/02/2022 nhưng không ghi thỏa thuận về lãi suất. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa bà B và vợ chồng ông Ch, bà N là hợp đồng vay có thời hạn. Quá hạn, ông Ch, bà B không trả nợ, bà B có quyền khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ch, bà N khẳng định khi giao kết hợp đồng, bà B đồng ý cho vợ chồng ông Ch, bà N trả nợ dần nên không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của bà B. Mặc dù ông Ch, bà N không chấp nhận yêu cầu của bà B nhưng đến nay không chứng minh được giữa các bên có thỏa thuận về việc trả nợ dần. Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan đến giao dịch tài sản bằng vàng, buộc vợ chồng ông Ch, bà N phải có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 51.345.000đ trị giá 9 chỉ vàng 9999 (giá vàng giao dịch ngày 11/5/2023 là 5.750.000đ/chỉ).

## 2.2. Về lãi suất:

Mặc dù trong Giấy biên nhận ngày 22/03/2021 có ghi nội dung “Lãi suất hai bên tự thỏa thuận với nhau...” nhưng không ghi cụ thể thỏa thuận là bao nhiêu. Hiện nay, các quy định pháp luật có liên quan không cho phép cá nhân giao dịch bằng vàng cũng như tính lãi suất khi giao dịch bằng vàng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ch, bà N trình bày các bên thỏa thuận không phải trả lãi. Đến nay, bà B không yêu cầu tính lãi; ông Ch, bà N không ý kiến gì về việc đã trả lãi. Do đó, về lãi suất, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 459 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị B kiện đòi nợ đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N phải trả cho bà Đỗ Thị B số tiền 51.345.000đ (năm mươi một triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) trị giá 09 (chín) chỉ vàng 9999, giá vàng ngày 11/5/2023 là 5.705.000đ/chỉ (năm triệu bảy trăm linh lăm nghìn đồng trên một chỉ). Vợ chồng ông Ch, bà N không phải trả lãi cho bà B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N phải nộp 2.567.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Thịnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

